

TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG DỊCH THUẬT NGỮ XÃ HỘI HỌC TIẾNG ANH SANG TIẾNG VIỆT

✍ NGÔ THỊ THANH VÂN*

Ngày nhận: 25/5/2021

Ngày phản biện: 15/6/2021

Ngày duyệt đăng: 01/7/2021

Tóm tắt: Tương đương là một trong những yêu cầu cơ bản và quan trọng nhất của dịch thuật, đặc biệt là dịch thuật ngữ khoa học. Bài viết này đề cập đến yêu cầu tương đương trong dịch thuật ngữ và một số đề xuất để đảm bảo yêu cầu tương đương của thuật ngữ xã hội học tiếng Việt với thuật ngữ xã hội học tiếng Anh.

Từ khóa: Dịch thuật; tương đương; thuật ngữ Xã hội học.

EQUIVALENCE IN TRANSLATING ENGLISH SOCIOLOGICAL TERMS INTO VIETNAMESE

Summary: Equivalence is considered as one of the most basic and important features of translation. The article focuses on the equivalence in translation and some adjustments to Vietnamese sociological terms to ensure the equivalence between English sociological terms and Vietnamese ones.

Keywords: Translation; equivalence; sociological terms.

1. Đặt vấn đề

Dịch thuật (sau đây xin gọi là dịch) là một hoạt động trí tuệ nhằm chuyển mã thông tin từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích một cách chính xác nhất. Hoạt động dịch thuật đóng góp nhiều cho sự phát triển xã hội và gắn với nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như nghệ thuật, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn học, quân sự, giáo dục... Nhờ có dịch thuật mà kho tàng văn hoá, tri thức... của nhân loại được bảo tồn, lưu giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác và ngày càng phong phú. Để phát triển và chuyển giao kiến thức của một ngành khoa học, dịch thuật ngữ khoa học có vai trò đặc biệt quan trọng. Và “tương đương” là một yêu cầu tối quan trọng của dịch thuật ngữ khoa học nói chung và thuật ngữ xã hội học nói riêng. Bài viết cũng đề xuất một số thay đổi về nội dung và hình thức thuật ngữ xã hội học (TNXHH) tiếng Việt để đảm bảo yêu cầu tương đương với TNXHH tiếng Anh.

2. Quan niệm về “dịch” và “tương đương” trong “dịch”

2.1. Quan niệm về “dịch”

“Dịch” là quá trình chuyển đổi văn bản từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích sao cho nghĩa của văn bản được người bản ngữ của ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích hiểu giống nhau.

Có nhiều tác giả bàn về khái niệm và các phương pháp dịch như Jeremy Munday, Nida, E and Taber. C, Jakobson, Vinay, J. P and J. Darbelnet, Catford, Larson, Newmark, Hoàng Văn Vân, Lê Hùng Tiến... Mildred L. Larson quan niệm dịch là sự chuyển đổi ý nghĩa từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích (tiếp nhận). Điều này được thực hiện bởi việc chuyển từ hình thái của ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ thứ hai bằng con đường ngữ nghĩa. Ý nghĩa phải giữ nguyên. Chỉ hình thái thay đổi. Hình thái của ngôn ngữ được dịch gọi là **ngôn ngữ nguồn**, hình thái của ngôn ngữ được chuyển sang gọi là **ngôn ngữ đích**... Quá trình dịch có thể được hiểu như sau: Ngôn ngữ nguồn (văn bản dịch) → phân tích ngữ nghĩa → nghĩa → tổ chức lại nghĩa → (bản dịch) Ngôn ngữ đích [8, tr.3-4].

Có nhiều quan niệm và cách gọi tên các phương pháp dịch. Vinay, J. P and J. Darbelnet chia dịch thành dịch thẳng (direct translation) và dịch nghiêng (oblique translation). Đây là mô hình cổ điển và có ảnh hưởng rộng rãi, bao gồm bảy phương pháp dịch: vay mượn (borrowing), sao lại nguyên văn (calque), dịch nguyên văn (literal translation), chuyển đổi từ loại (transposition), biến thái (modulation), tương

* Trưởng Đại học Công đoàn

đương (equivalence) và thích ứng (adoption). Các phương pháp dịch trực tiếp là dịch vay mượn, sao lại nguyên văn (sao phỏng), nguyên văn. Phương pháp dịch gián tiếp là chuyển đổi từ loại, biến thái, tương đương và dịch thoát (phỏng dịch). Bảy phương pháp dịch trên áp dụng được cho ba cấp độ: từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và thông điệp [10, tr.84-93]. Khi dịch thuật ngữ khoa học, các dịch giả thường sử dụng phương pháp dịch tương đương để đảm bảo độ chính xác về nội dung và cấu tạo thuật ngữ.

2.2. “Tương đương” trong “dịch”

Tương đương là một khái niệm then chốt của dịch. Có thể hiểu “tương đương” đồng nghĩa với sự chính xác. Trong dịch, “tương đương” được hiểu theo nghĩa “tương đương chức năng”, “tương đương trong sự khác biệt”, “tương đương tự nhiên gần nhất”, “tương đương hình thức”, “tương đương phong cách”, tương đương nội dung”... [3, tr.14].

Như vậy căn cứ vào mục đích, nội dung dịch, thể loại văn bản, đối tượng độc giả... người ta có cách dịch và có được những loại tương đương đặc thù. Tương đương ngữ dụng thường được sử dụng trong dịch các văn bản khoa học kỹ thuật phục vụ đối tượng không có chuyên môn khoa học kỹ thuật. Kiểu tương đương một - một thường xảy ra khi dịch hệ thống thuật ngữ... [2, tr.144-148].

Mục đích của dịch văn bản khoa học là làm đảm bảo nội dung và hình thức văn bản được dịch chính xác, đơn nghĩa. Vì vậy, tương đương trong dịch văn bản và thuật ngữ khoa học chính là sự tương đương về nội dung biểu đạt và tương đương về hình thức văn bản trong ngôn ngữ nguồn và trong ngôn ngữ đích.

2.3. “Tương đương” trong dịch thuật ngữ

Mục đích của dịch thuật ngữ là đảm bảo tối đa tính tương đương các đơn vị thuật ngữ trong hai ngôn ngữ khác nhau (ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích). Tính tương đương trong thuật ngữ được thể hiện ở sự tương đương về nội dung và cấu tạo. Tương đương về nội dung được hiểu là “hai thông điệp tương đương trong hai mã hiệu khác nhau” [4, 30]. Thuật ngữ trong ngôn ngữ đích phải diễn tả chính xác khái niệm, sự vật, hiện tượng... mà thuật ngữ trong ngôn ngữ nguồn muốn truyền tải. Tương đương về cấu tạo tức là tương đương về cấp độ cấu tạo thuật ngữ. Sự tương đương theo yêu cầu cần có thể hiện ở hai mức độ sau:

Một là, tương đương đơn vị cùng cấp độ từ vựng: từ được dịch tương đương với từ, ngữ được dịch tương đương với ngữ. Trong dịch thuật, khả năng tương đương một đối một cùng cấp đơn vị là lý tưởng. Khả năng thực tiễn còn có biến thể dịch: từ được

dịch tương đương với ngữ, ngữ được dịch tương đương với từ.

Hai là, yêu cầu tối cần thiết đặt ra là những đơn vị tương đương hoặc các biến thể phải biểu đạt nội dung khái niệm hoặc sự vật, hiện tượng chính xác tương ứng trong hai ngôn ngữ (ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích). Hai yêu cầu trên đây cũng có thể được xem là tiêu chuẩn đánh giá, nhận xét kết quả chuyển dịch thuật ngữ trong từ điển khảo sát. Nói cách khác, tương đương trong chuyển dịch thuật ngữ là sự tương đương về khái niệm và cấu tạo thuật ngữ trong hai ngôn ngữ khác nhau.

Tương đương trong dịch thuật ngữ là một loại tương đương đặc thù trong dịch thuật. Thuật ngữ ở cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích phải đảm bảo tiêu chuẩn ngắn gọn, khoa học, chính xác, có tính quốc tế... nên tương đương trong thuật ngữ được thể hiện ở sự tương đương về nội dung và cấu tạo. Tương đương về nội dung được hiểu là “hai thông điệp tương đương trong hai mã hiệu khác nhau”. [3, 16]. Tác giả Lê Quang Thiêm khẳng định: “Đối với dịch thuật ngữ thì đó phải là dịch cấu tạo thuật ngữ, tức là trong lúc dịch kết quả không chỉ chuyển nội dung khái niệm mà là cấu tạo thuật ngữ ở ngôn ngữ đích để biểu đạt khái niệm đó” [1, 180]. Như vậy, tương đương trong dịch thuật ngữ chính là sự tương đương về hình thức thể hiện và nội dung biểu đạt giữa TNXHH trong ngôn ngữ nguồn (tiếng Anh) và TNXHH trong ngôn ngữ đích (tiếng Việt).

3. “Tương đương” trong dịch thuật ngữ xã hội học tiếng Anh sang thuật ngữ xã hội học tiếng Việt

Chúng tôi đã khảo sát nguồn ngữ liệu bao gồm 1339 thuật ngữ Xã hội học tiếng Anh được dịch ra tiếng Việt, *được lấy từ các ngữ liệu: Từ điển xã hội học* do tác giả Nguyễn Khắc Viện, *Từ điển xã hội học* do Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Hoài Bảo biên dịch, *Từ điển xã hội học Oxford*, do nhóm tác giả Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương và Trịnh Huy Hóa biên dịch và các giáo trình, tài liệu chuyên ngành Xã hội học.

Trong khảo sát này, thuật ngữ ngôn ngữ nguồn là TNXHH tiếng Anh, thuật ngữ ngôn ngữ đích là TNXHH tiếng Việt. TNXHH tiếng Việt phải tương đương với TNXHH tiếng Anh về cấu tạo và nội dung, đảm bảo tiêu chuẩn ngắn gọn, khoa học, chính xác, có tính quốc tế... của thuật ngữ khoa học. Số liệu khảo sát cho thấy, về cấu tạo có 1141 TNXHH tiếng Việt tương đương với TNXHH tiếng Anh, chiếm 85,2%; 198 thuật ngữ XHH tiếng Việt chưa có cấu tạo chuẩn so với TNXHH tiếng Anh, chiếm 14,8%.

Về nội dung, có 1159 TNXHH tiếng Việt tương đương với TNXHH tiếng Anh, chiếm 86,6%; 180 TNXHH tiếng Việt chưa tương đương về nội dung với TNXHH tiếng Anh, chiếm 13,4%.

Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất một số điều chỉnh về cấu tạo và nội dung TNXHH tiếng Việt để đảm bảo yêu cầu của thuật ngữ khoa học: tương đương về cấu tạo và nội dung giữa TNXHH tiếng Anh (ngôn ngữ nguồn) và TNXHH tiếng Việt (ngôn ngữ đích). Việc điều chỉnh về cấu tạo và nội dung TNXHH tiếng Việt cũng làm tăng tính ngắn gọn, tính chính xác và tính khoa học của hệ thuật ngữ này.

3.1. Tương đương về cấu tạo

TNXHH tiếng Anh là từ chuyển sang TNXHH tiếng Việt tương ứng là từ có 442 thuật ngữ, chiếm 33%. TNXHH tiếng Anh là cụm từ dịch tương đương sang TNXHH tiếng Việt là cụm từ là 614 thuật ngữ. Đây cũng là loại tương đương cấu tạo có tỉ lệ cao nhất. TNXHH tiếng Anh là từ chuyển sang TNXHH tiếng Việt là cụm từ là 259 đơn vị, chiếm 19,3%. TNXHH tiếng Anh là cụm từ được chuyển sang TNXHH tiếng Việt là từ chiếm tỉ lệ rất nhỏ 1,8%, tương ứng 24 thuật ngữ.

Chúng tôi nhận thấy, khi dịch TNXHH tiếng Anh sang TNXHH tiếng Việt có 1141 thuật ngữ tiếng Việt, chiếm 85,2%, có đơn vị cấu tạo chuẩn. Bên cạnh đó, còn 198 TNXHH tiếng Việt, chiếm 14,8%, là cụm từ miêu tả, chưa tương đương cấu tạo với TNXHH tiếng Anh. Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất điều chỉnh các TNXHH tiếng Việt có cấu tạo rườm rà này để các thuật ngữ đảm bảo yêu cầu tương đương và các tiêu chuẩn của thuật ngữ khoa học.

Các TNXHH tiếng Việt không tương đương TNXHH tiếng Anh về cấu tạo là các thuật ngữ có từ không cần thiết như *của, về, lên, xuống, theo...* Việc thuật ngữ gồm những từ thừa khiến thuật ngữ rườm rà, trở thành cụm từ miêu tả, giải nghĩa hơn là một đơn vị định danh. Ý nghĩa của thuật ngữ vì vậy cũng mờ nhạt hơn.

Ví dụ: *Chức năng dưới dạng biểu đạt* (manifest function)

Hành động có tính chiến lược (strategic action)

Đô thị hóa theo chiều sâu (deep urbanization)

Gia đình không có con (childless family)

So sánh giữa các nền văn hóa (cross-cultural comparison)

Thuyết nữ quyền về văn hóa (cultural feminism)

Các từ như *lừa, theo, về...* trong các TNXHH tiếng Việt này là không cần thiết, không ảnh hưởng đến nội hàm của thuật ngữ. Chúng tôi tiến hành loại bỏ các từ này để cấu tạo thuật ngữ chặt chẽ hơn, nội dung thuật ngữ cô đọng hơn. Các TNXHH tiếng Việt

sau khi được loại bỏ các yếu tố thừa có hình thức ngắn gọn, khoa học và nội dung thuật ngữ được bảo toàn. Dưới đây là một số ví dụ về điều chỉnh cấu tạo một số TNXHH tiếng Việt.

Bảng 1. Điều chỉnh cấu tạo TNXHH tiếng Việt

TNXHH Tiếng Việt chưa điều chỉnh cấu tạo	TNXHH Tiếng Việt đã điều chỉnh cấu tạo
Chức năng dưới dạng biểu đạt (manifest function)	Chức năng biểu đạt (manifest function)
Đô thị hóa theo chiều sâu (deep urbanization)	Đô thị hóa chiều sâu (deep urbanization)
Hành động có tính chiến lược (strategic action)	Hành động chiến lược
So sánh giữa các nền văn hóa (Cross-cultural comparison)	So sánh xuyên văn hóa
Thuyết nữ quyền về văn hóa (cultural feminism)	Thuyết nữ quyền văn hóa (cultural feminism)

3.2. Tương đương về nội dung

Khi khảo sát nội dung TNXHH tiếng Anh và TNXHH tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy 1159 TNXHH tiếng Anh, chiếm 86,8%, được chuyển dịch tương đương sang TNXHH tiếng Việt, tương ứng dịch 1-1. Đây là trường hợp lý tưởng của thuật ngữ khoa học, đảm bảo tính chính xác của khái niệm. Tuy vậy, 180 TNXHH tiếng Việt, chiếm 13,4%, chưa đáp ứng các tiêu chuẩn của thuật ngữ khoa học như một TNXHH tiếng Anh có nhiều biến thể dịch, hoặc TNXHH tiếng Việt là cụm từ miêu tả...

Nội dung chính xác là yêu cầu vô cùng quan trọng của thuật ngữ. Nội dung của thuật ngữ phải thể hiện đúng và đủ, không gây hiểu lầm, hiểu sai nội hàm khái niệm khoa học. Như vậy, nội dung thuật ngữ phải thể hiện các đặc trưng cốt lõi nhất của khái niệm, đơn nghĩa, không được dài dòng, mơ hồ về ý nghĩa hay có nhiều cách hiểu khác nhau. Với những TNXHH tiếng Việt chưa đạt yêu cầu tương đương về nội dung với TNXHH tiếng Anh, chúng tôi đưa ra các đề xuất để điều chỉnh các thuật ngữ này.

Các TNXHH tiếng Việt không tương đương TNXHH tiếng Anh về nội dung là những cụm từ miêu tả, không lựa chọn đặc trưng căn bản của khái niệm, không thể hiện rõ bản chất khái niệm khoa học. Thuật ngữ dài dòng hoặc có tính miêu tả không những làm mất tính hệ thống của thuật ngữ mà còn làm ảnh hưởng tới ý nghĩa của thuật ngữ.

Ví dụ: *Sự phân biệt lĩnh vực chung với lĩnh vực riêng* (Public sphere versus private sphere distinction)

Phỏng vấn qua điện thoại có sự trợ giúp của máy tính (Computer-assisted telephone interviewing (CATI))

Hôn nhân đa phu và đa thê (Polygamy)

Thỏa mãn nhu cầu riêng tư cá nhân (personality need fulfillment)

Gia đình chỉ có cha hoặc mẹ độc thân (single family)

Tương tác mặt đối mặt (face-to-face interview)

Chúng tôi cần nhắc cách rút gọn thuật ngữ mà vẫn đảm bảo yêu cầu giữ nguyên nội dung trong thuật ngữ nguồn và phù hợp với hệ thống thuật ngữ chung. Chúng tôi sẽ loại những yếu tố không cần thiết, rút gọn thuật ngữ bằng cách sử dụng đơn vị thay thế phù hợp.

Ví dụ: TNXHH tiếng Anh *monogamy* được dịch sang TNXHH tiếng Việt là *hôn nhân một vợ một chồng*. Cụm từ *hôn nhân một vợ một chồng* miêu tả cuộc hôn nhân chỉ có một người vợ và một người chồng. Cách chuyển dịch thuật ngữ này làm thuật ngữ trở thành một cụm từ phổ thông, mất đi tính hàn lâm của thuật ngữ khoa học. Vì vậy, chúng tôi đề xuất thay đổi TNXHH tiếng Việt này thành *đơn hôn*. Thuật ngữ mới có ưu điểm cấu tạo chặt chẽ, ngắn gọn mà vẫn đảm bảo nội dung thuật ngữ khoa học. Thuật ngữ *tương tác mặt đối mặt* (face-to-face interview) được thay bằng là *tương tác trực diện* để ngắn gọn hơn về hình thức và cô đọng hơn về ý nghĩa. Thuật ngữ *sự phân biệt lĩnh vực chung với lĩnh vực riêng* (public sphere versus private sphere distinction) có nhiều yếu tố không cần thiết rút gọn thành *phân biệt lĩnh vực chung-riêng*. Dưới đây là một số ví dụ về điều chỉnh nội dung một số TNXHH tiếng Việt.

Bảng 2. Điều chỉnh nội dung TNXHH tiếng Việt

TNXHH Tiếng Việt chưa điều chỉnh nội dung	TNXHH tiếng Việt đã điều chỉnh nội dung
Gia đình chỉ có cha hoặc mẹ độc thân (single family)	Gia đình cha- mẹ đơn thân (single family)
Quan hệ người bảo trợ- người được bảo trợ (patron-client relationship)	Quan hệ bảo trợ- được bảo trợ (patron-client relationship)
Hôn nhân đa phu và đa thê (polygamy)	Đa hôn (polygamy)
Phòng vấn qua điện thoại có sự trợ giúp của máy tính (computer-assisted telephone interviewing (CATI))	Phòng vấn qua điện thoại có máy tính trợ giúp (computer-assisted telephone interviewing (CATI))
Thỏa mãn nhu cầu riêng tư cá nhân (personality need fulfillment)	Thỏa mãn nhu cầu cá nhân (personality need fulfillment)

Các TNXHH tiếng Việt sau khi điều chỉnh có hình thức ngắn gọn, phù hợp với ngôn ngữ sử dụng, có nội dung khoa học chính xác, tương đương với TNXHH tiếng Anh. Nói cách khác, việc điều chỉnh giúp các TNXHH tiếng Việt đáp ứng tốt các tiêu chuẩn của thuật ngữ khoa học và đảm bảo yêu cầu tương đương

của dịch thuật ngữ khoa học. Việc thay đổi này đảm bảo TNXHH tiếng Anh và tiếng Việt tương đương về hình thức và nội dung thể hiện.

4. Kết luận

Dịch là một kiểu giao tiếp liên ngôn bởi các đơn vị của hai ngôn ngữ khác nhau trong hai nền văn hoá khác nhau được truyền tải thông qua người dịch. Bởi vậy dịch là một hoạt động phức tạp và khó có tương đương tuyệt đối. Trọng tâm của dịch là chuyển nghĩa của đơn vị ngôn ngữ từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích tương đương gần nhất với ngôn ngữ nguồn.

Trong dịch văn bản khoa học một khó khăn lớn của người dịch chính là dịch hệ thống thuật ngữ bởi mỗi ngành khoa học có một hệ thống khái niệm riêng. Có thuật ngữ chung, phổ biến cho các ngành khoa học, có thuật ngữ lại gắn với một ngành khoa học riêng biệt. Có thuật ngữ có ý nghĩa khác trong các ngành khoa học khác nhau. Có thuật ngữ chỉ trong ngôn ngữ nguồn không có trong ngôn ngữ đích và ngược lại. Do vậy, để dịch tốt hệ thống thuật ngữ của một ngành khoa học, ngoài kiến thức về ngôn ngữ người dịch còn cần có kiến thức chuyên môn về ngành khoa học đó.

Bài viết cũng đề xuất một số thay đổi về nội dung và cấu tạo của TNXHH tiếng Việt để các thuật ngữ này đáp ứng các tiêu chí của thuật ngữ khoa học như tính đơn nghĩa, tính chính xác, ngắn gọn, tính khoa học... và tương đương với các TNXHH tiếng Anh. □

Tài liệu tham khảo

TIẾNG VIỆT

- Lê Quang Thiêm (1980), *Nhận xét nghiên cứu các đối chiếu các ngôn ngữ*, Tạp chí Khoa học, Đại học Tổng hợp.
- Lê Hùng Tiến (2010), *Tương đương dịch thuật và tương đương trong dịch Anh - Việt*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 26.
- Hoàng Văn Vân (2011), *Hướng tới một lý thuyết dịch toàn diện: Một số khái niệm cơ bản*, Tạp chí Ngôn ngữ số 8.
- Hoàng Văn Vân (2012), *Hướng tới một lý thuyết dịch toàn diện: Một số khái niệm cơ bản*, Tạp chí Ngôn ngữ số 2.
- Ngô Thị Thanh Vân (2016), *Tương đương dịch thuật ngữ trong từ điển Xã hội học Oxford*, Tạp chí Từ điển và Bách khoa thư, số 4 (42), tr.22-24, Mã ISN: 1859-3135.

TIẾNG ANH

- Catford. J (1965), *A linguistic theory of translation: An Essay in Applied linguistics*, London Oxford University Press.
- Jakobson. R. (1959/2000), *On linguistic Aspects of Translation*, L. Venuti (ed) (2000).

(Xem tiếp trang 65)

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hoạt động và kinh nghiệm quốc tế trong nâng cao chất lượng hoạt động của các Ngân hàng Phát triển, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của VDB như sau:

Thứ nhất, về mô hình tổ chức

VDB cần nhắc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng thành viên của VDB. Bộ phận này có chức năng kiểm toán nội bộ, độc lập với chức năng hàng ngày của VDB và có thể tiếp cận với tất cả các hoạt động ngân hàng thực hiện, bao gồm các hoạt động ở hội sở chính, sở giao dịch và các chi nhánh. Việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc ngân hàng đảm bảo mô hình quản trị rủi ro theo 3 vòng kiểm soát. Bộ phận kiểm toán nội bộ đóng vai trò là vòng kiểm soát thứ ba, góp phần đáng kể trong việc kiểm soát rủi ro cũng như đưa ra cảnh báo sớm về rủi ro cho các Ngân hàng. Từ đó, nâng cao khả năng kiểm soát rủi ro cho VDB.

Thứ hai, về hoạt động nghiệp vụ

- VDB cần đa dạng hóa sản phẩm tín dụng gồm: tín dụng trung, dài hạn đầu tư cho tài sản cố định, tín dụng ngắn hạn tài trợ cho vốn lưu động. Việc cung cấp đồng thời tín dụng ngắn hạn và trung, dài hạn giúp VDB kiểm soát tốt hơn dòng tiền của dự án. Bên cạnh đó, VDB cần nhắc cung cấp các hợp đồng bảo lãnh ngắn hạn (bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh tạm ứng...) cũng như các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ bởi lẽ đối với dự án đầu tư trung, dài hạn, khách hàng có nhu cầu sử dụng nhiều loại dịch vụ ngân hàng nên việc VDB đa dạng hóa sản phẩm tín dụng tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng khi triển khai dự án và tăng nguồn thu cho VDB.

- Tăng cường hoạt động cho vay hợp vốn giữa VDB và các TCTD khác đối với các dự án lớn để giảm thiểu rủi ro tín dụng cho VDB, đồng thời, tăng cường việc kiểm tra, giám sát sau sử dụng vốn đối với dự án.

- VDB cần nhắc đề nghị Chính phủ cho phép đầu tư trái phiếu của các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực tài trợ. Đây là một trong những nghiệp vụ hỗ trợ vốn trung dài hạn cho các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư của một số Ngân hàng Phát triển trên Thế giới như: Ngân hàng phát triển Trung Quốc, Ngân hàng phát triển Nhật Bản...

Thứ ba, tư vấn hỗ trợ khách hàng, chính quyền địa phương

Nghiên cứu kinh nghiệm của CDB có thể thấy,

VDB xem xét, cân nhắc cơ chế, quy trình cấp tín dụng. Theo đó, để thực hiện phát triển đồng bộ, giảm sự trùng lặp giữa các dự án hoặc dư thừa đầu ra đối với các dự án sản xuất kinh doanh (các ngành sản xuất, chế biến, năng lượng...), VDB cần nhắc làm việc và hỗ trợ chính quyền các địa phương xây dựng quy hoạch tổng thể cho từng ngành, nghề, lĩnh vực; từ đó, lựa chọn các dự án hiệu quả, khả thi. Chẳng hạn như: đối với cho vay với lĩnh vực điện năng lượng tái tạo, VDB xem xét làm việc với chính quyền địa phương về quy hoạch tổng thể, khả năng truyền tải điện, tránh tình trạng lượng điện sản xuất ra không được EVN mua hết, từ đó ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng. Đồng thời, bên cạnh việc cấp tín dụng, VDB xem xét việc hỗ trợ tư vấn khách hàng hoàn thiện cơ cấu quản trị, dòng tiền, và nâng cao mức độ tín nhiệm.

Thứ tư, phát hành trái phiếu xanh

VDB xem xét phát triển trái phiếu xanh phục vụ cho năng lượng tái tạo. Đây là giải pháp đã được các định chế tài chính quốc tế lớn (WB, IFC, ADB,...) cũng như JDB thực hiện thành công trong thời gian qua. Việc phát hành trái phiếu xanh giúp VDB gia tăng nguồn vốn trung dài hạn phục vụ cho các dự án năng lượng tái tạo. □

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2015- 2018), Báo cáo thường niên.
2. China Development Bank (2019), Annual report.
3. Japan Development Bank (2019), Annual report.
4. Website: www.vdb.gov.vn

TƯƠNG DƯƠNG TRONG DỊCH THUẬT NGỮ...

(Tiếp theo trang 84)

8. Mildred L. Larson (1998), *Meaning-based translation- A Guide to Cross-Language Equivalence 2nd*, University Press of America, Inc. Lanham.
9. Nida, E and Taber. C (1969), *The theory and Practice of Translation*, Leiden: E. J. Brill.
10. Vinay, J. P and Darbelnet J. (1958, 2nd edition 1977), J. Sager and M. J. Hamel's translation (1995), *Comparative Stylistics of French and English: a Methodology for Translation*, Amsterdam and Philadelphia, PA: John Benjamins.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Bùi Thế Cường (2010), *Từ điển xã hội học Oxford (Oxford dictionary of sociology)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Gunter Endruweit, Gisela Trommsdorff - Ngụy Hữu Tâm, Nguyễn Hoài Bảo (2002), *Từ điển xã hội học*, NXB Thế giới.
3. Nguyễn Khắc Viện (1995), *Từ điển xã hội học*, NXB Lao động.